TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2019/DS-PT
Ngày: 30-8-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Tùng

Các Thẩm phán: 1. Bà Đinh Thị Tuyết

2. Ông Nguyễn Duy Thuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 134/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2019 về *"*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện M' Đrắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 172/2019/QĐ-PT ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị H; địa chỉ: Thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Phạm Văn S; địa chỉ: Thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Thôn 5, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân huyện M'Đ; địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn M'Đ, huyện M'Đ, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Dương Thị T .

Đại diện theo ủy quyền của bà T: Ông Phạm Văn S; địa chỉ: Thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Phạm Văn A; địa chỉ: Thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: Thôn 3, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

3. Ông Trần Trọng C; địa chỉ: Thôn 2, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

4. Ông Bùi Năng D; địa chỉ: Thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

5. Ông Đinh Vũ Đ; địa chỉ: Thôn 5, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

6. Bà Trần Thị E; địa chỉ: Thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

7. Bà Phan Thị F; địa chỉ: Thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

8. Ông Nguyễn Văn G; địa chỉ: Thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

9. Bà Cao Thị H; địa chỉ: Thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

** Người kháng cáo:* Bị đơn ông Phạm Văn S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn là Bà Đoàn Thị H trình bày:**

Năm 1996 vợ chồng bà khai hoang khoảng 1,6 ha đất tại thôn 6 (nay là thôn 8), xã CK, huyện MĐ. Trên đất khai hoang chỉ có cây dại và cỏ tranh, chưa có ai sử dụng, vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp đất của ông Bùi Năng D; Tây giáp đất sình bà Lê Thị Yến; Nam giáp đất ông Đinh Vũ Đ; Bắc giáp đất của ông Nguyễn Minh Q.

Sau khi khai hoang, vợ chồng bà H trồng hoa màu trên đất và sử dụng ổn định, năm 2014, bà H ông A ra Tòa xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk giải quyết cho ly hôn. Khi ly hôn, bà H và ông A tự thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng, bà H có quyền sử dụng ½ diện tích đất nêu trên. Sau khi bà H thu hoạch cây keo, ông S dọn cây và trồng keo trên toàn bộ diện tích đất mà bà H có quyền sử dụng 8.728m^2 (theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk), trong đó có: 6104m^2 đất ông S cho rằng diện tích này nằm trong diện tích đất mà UBND huyện MĐ thu hồi của ông Đinh Vũ Đ giao về cho UBND xã CK quản lý, UBND xã CK tạm giao cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8, Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 giao lại cho ông S sử dụng. Tuy nhiên, đối với diện tích 6.104m^2, UBND huyện MĐ đã xác định không thuộc diện tích đất thu hồi của ông Đ; Diện tích đất còn lại 2.624m^2 liền kề không tách rời diện tích đất 6.104m^2, sau khi được Ban tự quản thôn 8 giao cho ông S sử dụng 6.104m^2, ông S tự lấn chiếm diện tích còn lại của bà H, bởi vì năm 2014 không còn diện tích

đất nào bỏ hoang để cho ông S khai hoang. Bà H khiếu nại đến UBND xã CK từ cuối năm 2014 nhưng không được giải quyết, đến năm 2018 bà H khởi kiện đến Tòa án.

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ông S phải trả 8.634 m^2 (theo số liệu đo đạc của UBND xã CK), theo biên bản thẩm định của Tòa án thì vị trí đất ông S lấn chiếm của bà H không thay đổi, nhưng diện tích đo được là 8.728m^2 (tăng 94 m^2). Do bà T và ông S cùng sử dụng đất của bà H, nên bà H yêu cầu vợ chồng ông S bà T phải trả 8.728m^2 đất, đồng thời ông S bà T phải thu hoạch toàn bộ cây keo trồng trên đất để giao trả lại đất cho bà H.

*** Bị đơn là ông Phạm Văn S trình bày:**

Năm 2014 ông S làm thôn trưởng thôn 8, xã CK, ông S dẫn đoàn đi đo đạc đất đai, phát hiện gia đình bà H bao chiếm 6.104m^2 đất (vị trí như biên bản thẩm định của Tòa án) và tranh chấp với anh Bùi Năng D, ông S báo cáo UBND xã CK. UBND xã CK đã thu hồi diện tích đất trên và tạm giao cho Ban tự quản và chi bộ thôn 8 quản lý. Ngày 25 tháng 9 năm 2014, vợ chồng ông S bà T được ban tự quản và chi bộ thôn 8 cho thuê 6.104m^2 đất (theo biên bản, Nghị quyết cuộc họp của chi bộ) trong thời hạn 5 năm, với giá tiền là 1.000.000 đồng/1năm, nhưng ông S chưa nộp tiền. Sau khi nhận đất, vợ chồng ông S bà T khai hoang thêm 2.530m^2 đất bỏ hoang (theo biên bản thẩm định của Tòa án là 2.624m^2) liền kề với diện tích đất thuê 6.104m^2 để trồng keo. Nay bà H tranh chấp là không có căn cứ, bà H không có giấy tờ gì để chứng minh bà H có quyền sử dụng đất, ông S không đồng ý với yêu cầu của bà H.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Dương Thị T - Người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn S trình bày:

Bà Tlà vợ ông S, tại phiên tòa hôm nay ông S là người đại diện theo ủy quyền cho bà T, ông S giữ nguyên theo ý kiến của ông đã trình bày ở trên.

- UBND xã CK (đại diện ông Nguyễn Văn X) trình bày:

Năm 2014 do UBND xã CK xác định diện tích đất bà Nguyễn Thị H đang sử dụng trồng keo và đã thu hoạch, tại thôn 8, xã CK trong đó có 6.104m^2 nằm trong diện tích 102 ha đất mà UBND huyện MĐ thu hồi của ông Đinh Vũ Đ (theo Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 19/10/2007) giao cho UBND xã CK quản lý. Nên ngày 25/9/2014 UBND xã CK tạm giao diện tích đất 6.104m^2 cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 quản lý.

Do bà H khiếu nại, ngày 10/3/2017 UBND xã CK phối hợp với cơ quan chuyên môn của UBND huyện MĐ đến thực địa xem xét diện tích đất bà H sử dụng trồng keo mà UBND xã CK tạm giao cho Ban tự quản thôn 8 quản lý, đã xác định diện tích đất này không nằm trong diện tích đất 102 ha mà UBND huyện MĐ đã ra Quyết định thu hồi của ông Đinh Vũ Đ.

UBND xã CK xác định việc tạm giao đất của bà H cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 quản lý là sai, không đúng thẩm quyền. UBND xã CK không ban hành một văn bản nào thu hồi đất của bà H. UBND xã CK đã làm việc với ông S, yêu cầu ông S trả lại 6.104m^2 đất cho bà H, nhưng ông S không chấp nhận. Về việc này cá nhân, tập thể UBND xã CK phải chịu trách nhiệm về việc giao đất sai và không đúng thẩm quyền, về hậu quả UBND xã CK sẽ thương lượng với bà H.

Đối với 2.530m^2 (theo biên bản thẩm định của Tòa án là 2. 624m^2) đất bà H với ông S đang tranh chấp liền kề với 6.104m^2, UBND xã CK xác định không nằm trong diện tích đất thu hồi của ông Đang, nên không giao cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 quản lý, diện tích 2.530m^2 đất ông S tự sử dụng.

*** Người làm chứng:**

+ Ông Phạm Văn A trình bày:

Ông A và bà H kết hôn với nhau từ năm 1996, đã tự khai hoang, sử dụng đất ổn định như bà H đã trình bày. Năm 2014, ông A và bà H ly hôn, ông A và bà H thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng. Theo đó, bà H có quyền sử dụng diện tích đất mà hiện nay ông S đang tranh chấp. Nay bà H yêu cầu ông S trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm, ông A không có ý kiến và tranh chấp gì.

+ Ông Nguyễn Văn B trình bày:

Từ năm 2011 đến năm 2016 ông B giữ chức vụ chủ tịch UBND xã CK. Năm 2014 phát hiện diện tích đất bà H đã thu hoạch cây keo, trong đó có 6.104m^2 nằm trong diện tích 102 ha đất mà UBND huyện MĐ thu hồi của ông Đ giao cho UBND xã CK quản lý. Ngày 17/6/2014 UBND xã tạm giao diện tích đất trên cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 quản lý (Ông Trần Trọng C – Bí thư Chi bộ thôn 8 và ông Phạm Văn S - Thôn trưởng thôn 8 xã CK nhận đất). Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 cho ông S thuê một chu kì trồng keo là 5 năm với giá 1.000.000 đồng/1năm nhưng ông S chưa nộp tiền thuê đất.

Đối với diện tích đất 2.530m^2 bà H với ông S đang tranh chấp giáp liền với 6.104m^2 đất mà UBND xã CK tạm giao cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 quản lý, trước đây bà H sử dụng và UBND xã xác định không nằm trong diện tích đất thu hồi nên không giao cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 quản lý, diện tích đất 2.530m^2 ông S tự làm.

+ Ông Trần Trọng C trình bày:

Ngày 17/6/2014 UBND xã giao cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 quản lý 6.104m^2 đất bà H đang sử dụng. Sau khi UBND xã bàn giao thì Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 thống nhất cho ông S thuê 1 chu kỳ trồng keo là 5 năm, với giá 1 triệu đồng/1năm để có tiền sửa sang hội trường thôn. Nhưng sau khi cho ông S thuê 1 năm thì bà H khiếu nại nên Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 chưa thu tiền thuê đất của ông S.

Toàn bộ diện tích 8. 728m^2 đất bà H đang tranh chấp với ông S, trước đây bà H sử dụng, trong đó: 6.104m^2 đất UBND xã CK giao cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 quản lý, sau đó Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 cho ông S thuê; diện tích đất 2.530m^2 đất ông S tự làm sau khi thuê diện tích đất 6.104m^2 .

Tại bản án số: 08/2019/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện M' Đrắk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 75, Điều 85, Điều 147, khoản 2 Điều 201, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 46 và Điều 107 Luật đất đai năm 2003; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H:

Buộc vợ chồng ông Phạm Văn S bà Dương Thị T phải trả cho bà Đoàn Thị H 8.728m^2 đất tọa lạc tại thôn 8, xã CK, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk, bao gồm 02 diện tích đất, dùng máy định vị toàn cầu GPS 76CSX để xác định vị trí diện tích đất như sau:

- Vị trí, diện tích đất thứ nhất 6.104m^2 đất (có sơ đồ, tọa độ kèm theo) như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Bùi Năng D, gồm 9 cạnh, độ dài các cạnh lần lượt là 11,91m; 23,36m; 14,88m; 26,37m; 4m; 7,95m; 24,71m; 9,39m; 31,29m.

+ Hướng Tây giáp đất bà Lê Thị Y, gồm 3 cạnh, độ dài các cạnh lần lượt là 8,58m; 30,29m; 41,86m.

+ Hướng Nam giáp diện tích đất thứ 2 của bà H và đường đi, gồm 5 cạnh, độ dài các cạnh lần lượt là 21,47m; 10,88m; 29,28m; 61,40m; 19,80m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Minh Q dài 42,01m.

- Vị trí diện đất thứ hai 2.624m^2 (có sơ đồ, tọa độ kèm theo), như sau:

+ Hướng Đông giáp diện tích đất thứ nhất, gồm 2 cạnh, lần lượt là 61,40m; 11,19m.

+ Hướng Tây giáp mương nước, gồm 2 cạnh lần lượt là 5,09m; 29,80m.

+ Hướng Nam giáp mương nước gồm 3 cạnh, lần lượt là 37,73m; 5,83m; 26,38m.

+ Hướng Bắc giáp diện tích đất thứ nhất gồm 2 cạnh lần lượt là 10,88m; 29,28m.

Trên hai diện tích đất nêu trên, vợ chồng ông Phạm Văn S bà Dương Thị T trồng cây keo năm 2014. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn S bà Dương Thị T trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, phải thu hoạch, phá bỏ cây trồng trên đất để trả lại đất cho bà Đoàn Thị H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, tiền án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/6/2019 ông Phạm Văn S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền cho gia đình ông.

Tại phiên tòa bà Đoàn Thị H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, ông Phạm Văn S giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Xét nguồn gốc diện tích đất 8.728m^2 ở thôn 8, xã CK, huyện MĐ hiện nay bà Đoàn Thị H đang tranh chấp với ông Phạm Văn S, diện tích đất này do vợ chồng bà H khai hoang sử dụng từ năm 1996 đến năm 2014. Năm 2014 vợ chồng bà H ly hôn, bà H là người được sử dụng diện tích này, qua ý kiến của UBND xã CK do UBND xã Króa nhầm lẫn trong việc tạm giao cho Ban tự quản thôn 8, xã CK, UBND xã đã có văn bản yêu cầu ông S giao trả diện tích đất nói trên cho bà H. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

Xét nội dung kháng cáo của ông Phạm Văn S cho rằng diện tích đất tranh chấp 8.728m^2 ở thôn 8, xã CK, huyện MĐ không phải của bà H mà trong đó có 6.104m^2 đất do vợ chồng ông bà thuê lại của Ban tự quản và chi bộ thôn 8 và 2.624m^2 còn lại do vợ chồng ông bà khai hoang, thấy rằng:

[1] Về nguồn gốc đất: Năm 1996 vợ chồng ông A bà H tự khai hoang, trồng hoa màu, trồng keo. Sau khi ly hôn ông A và bà H tự thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng, theo đó bà H có quyền sử dụng diện tích hiện nay các bên đang tranh chấp. Sau khi bà H thu hoạch cây keo trên đất, ngày 17/6/2014 UBND xã CK căn cứ vào Quyết định số 1857/QĐ-UBND ngày 19/10/2007 của UBND huyện MĐ về việc thu hồi của ông Đinh Vũ Đ 102 ha đất, giao cho UBND xã CK trong đó có 6.104m^2 mà bà H đang quản lý. Ngày 25/9/2014 UBND xã CK đã tạm giao diện tích 6.104m^2 cho Ban tự quản và chi bộ thôn 8, như vậy UBND xã C K đã vi phạm trong lĩnh vực quản lý đất đai gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H.

Đối với diện tích đất 2.624m^2 ông S cho rằng vợ chồng ông tự khai hoang là

không có căn cứ. Bởi lẽ, toàn bộ diện tích đất bà H sử dụng có ranh giới giáp các hộ dân xung quanh. Theo các lời khai của các nhân chứng và UBND xã CK thì toàn bộ diện tích đất tranh chấp do ông A và bà H khai hoang, sử dụng ổn định đến năm 2014 thì ông S sử dụng. Như vậy có căn cứ để xác định diện tích 8.728m^2 do bà H, ông A khai hoang sử dụng ổn định nhưng chưa đi kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Sau khi ông A bà H ly hôn đã thỏa thuận bà H là người trực tiếp sử dụng toàn bộ diện tích 8.728m^2 ở vị trí nói trên. Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông Phạm Văn S, bà Dương Thị T phải trả cho bà Đoàn Thị H 8.728m^2 đất tọa lạc tại thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk là có căn cứ.

[2] Quá trình hòa giải tại địa phương cũng như quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm đại diện Ủy ban nhân dân xã CK đã thừa nhận do UBND xã CK xác định không đúng vị trí diện tích đất mà UBND huyện MĐ thu hồi của ông Đ. Do đó, UBND xã CK đã tạm giao nhầm diện tích 6.104m^2 đất trong diện tích 8.728m^2 đất của bà H đang sử dụng cho Ban tự quản và Chi bộ thôn 8, xã CK quản lý. Sau đó, Ban tự quản và Chi bộ thôn 8 đã cho ông S thuê đất để trồng keo trong thời hạn 5 năm. Hiện nay UBND xã yêu cầu ông S trả lại phần diện tích đất cho bà H nhưng ông S không thực hiện, như vậy vợ chồng ông S lấn chiếm đất của bà H là vi phạm. Tại Trích biên bản tổ hòa giải ngày 14/12/2014 của Ban tự quản thôn 8, xã CK, ông S đồng ý giao trả lại đất cho chị H, nhưng với điều kiện bà H phải bồi thường chi phí đã trồng cây và tiền thuê đất. Như vậy, ông S đã thừa nhận diện tích đất nói trên là của bà H, do đó kháng cáo của ông S không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về tài sản trên đất gồm 2000 cây keo tai tượng do vợ chồng ông S bà T trồng năm 2014 bản án sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông S trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, phải thu hoạch, phá bỏ cây trồng trên đất để trả lại đất cho bà Đoàn Thị H là chưa phù hợp. Theo lời khai của ông S số cây keo trồng vào các năm 2014, 2015, do phụ thuộc độ tuổi chu kỳ cây trồng trên đất nên giao lại cho bà H quản lý thu hoạch cây keo tai tượng mà ông S đã trồng trên diện tích 8.728m^2 của bà H, bà H phải thanh toán lại cho ông S, bà T trị giá vườn cây keo. Theo "Biên bản định giá" ngày 04/10/2018 của các cơ quan chức năng huyện MĐrắk, đã định giá số cây keo tai tượng trị giá 60.593.000 đồng, như vậy bà H phải thanh toán cho ông S, bà T số tiền 60.593.000 đồng.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Văn S, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí:

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên buộc ông S, bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông S và bà T đều là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Phạm Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Phạm Văn S - Sửa bản án sơ thẩm số 08/2019/DS - ST ngày 11/6/2019 của Toà án nhân dân huyện M' Đrắk.

Áp dụng khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 75, Điều 85, Điều 147, khoản 2 Điều 201, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 46 và Điều 107 Luật đất đai năm 2003; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị H:

[1.1] Buộc vợ chồng ông Phạm Văn S bà Dương Thị T giao cho bà Đoàn Thị H 8.728m^2 đất tọa lạc tại thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk. Diện tích cụ thể:

- Thửa thứ nhất: Diện tích đất 6.104m^2 (có sơ đồ, tọa độ kèm theo) như sau:

+ Hướng Đông giáp đất ông Bùi Năng D, gồm 9 cạnh, độ dài các cạnh lần lượt là 11,91m; 23,36m; 14,88m; 26,37m; 4m; 7,95m; 24,71m; 9,39m; 31,29m.

+ Hướng Tây giáp đất bà Lê Thị Y, gồm 3 cạnh, độ dài các cạnh lần lượt là 8,58m; 30,29m; 41,86m.

+ Hướng Nam giáp diện tích đất thứ 2 của bà H và đường đi, gồm 5 cạnh, độ dài các cạnh lần lượt là 21,47m; 10,88m; 29,28m; 61,40m; 19,80m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Minh Q dài 42,01m.

- Thửa thứ hai: Diện tích đất 2.624m^2 (có sơ đồ, tọa độ kèm theo), như sau:

+ Hướng Đông giáp diện tích đất thứ nhất, gồm 2 cạnh, lần lượt là 61,40m; 11,19m.

+ Hướng Tây giáp mương nước, gồm 2 cạnh lần lượt là 5,09m; 29,80m.

+ Hướng Nam giáp mương nước gồm 3 cạnh, lần lượt là 37,73m; 5,83m; 26,38m.

+ Hướng Bắc giáp diện tích đất thứ nhất gồm 2 cạnh lần lượt là 10,88m; 29,28m.

[1.2] Giao cho bà H quản lý thu hoạch 2.000 cây keo tai tượng trồng năm 2014 trên diện tích đất 8.728m^2 đất ở tại thôn 8, xã CK, huyện MĐ, tỉnh Đắk Lắk.

[1.3] Đoàn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng ông Phạm Văn S, bà Dương Thị T 60.593.000đồng giá trị số keo trồng trên diện tích 8.728m^2.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn chậm thi hành án.

2. Về chi phí thẩm định và định giá: Buộc vợ chồng ông Phạm Văn S, bà Dương Thị T phải trả cho bà Đoàn Thị H *3.000.000đồng (số tiền này bà H đã nộp tạm ứng* chi phí thẩm định và định giá, Tòa án đã chi phí thẩm định và định giá).

3. Về án phí:

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Văn S, bà Dương Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Đoàn Thị H số tiền 450.000đồng mà bà H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006080 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrắk.

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn S không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Văn S số tiền 300.000 đồng ông S đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006256 ngày 19/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MĐ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện M' Đrắk;
- Chi cục THADS huyện MĐ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Lê Thị Tùng